

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-02-2020

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp BB, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà A trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông B sống chung như vợ chồng vào ngày 19/6/1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau nhiều năm nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nay xét thấy không thể tiếp tục kéo dài đời sống vợ chồng với ông B được nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 người con chung tên Nguyễn Diệu H, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 04/01/2004. Đối với Nguyễn Diệu H hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, sau khi ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Nhựt Q, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà với ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa A và ông B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B có địa chỉ cư trú tại ấp BB, xã LTT, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà A và ông B sống chung như vợ chồng vào ngày 19/6/1999 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân của bà A và ông B được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì bà A có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của bà A đã được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nhưng ông B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập ông B hợp lệ để đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông B.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà A và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không hòa hợp, không có hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài. Ông B không có ý kiến gì đối với việc bà A xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà A và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tuyên bố bà A và ông B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà A và ông B có 02 người con chung tên Nguyễn Diệu H, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 04/01/2004. Sau khi ly hôn thì bà Nguyệt yêu cầu được nuôi Nguyễn Nhựt Q, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản làm việc của Tòa án vào ngày 05/02/2020 thì cháu Nguyễn Nhựt Q có nguyện vọng sống chung với bà A, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Nhựt Q, sinh ngày 04/01/2004 cho bà N nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa bà A và ông B có phát sinh tranh chấp về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 11, 85, 89, 92, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố bà A và ông B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 04/01/2004 cho bà A nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà A phải chịu 300.000 đồng, ngày 27/6/2019 bà A có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0004545 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kỳ

